

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/KDTM-ST
Ngày 07 tháng 8 năm 2017
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC TỈNH ĐẮK NÔNG
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Ngọc Khoa;

2. Ông Vũ Đức Minh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Long Ca – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện T Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T Đ tham gia phiên tòa:* Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở TAND huyện T Đ, tỉnh Đ N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2017/TLST-KDTM, ngày 14 tháng 3 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp T P H;

Địa chỉ: Đường DT 747B, tổ 4, khu phố 8, phường U H, thị xã T U, tỉnh B D.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn T; Chức vụ: Giám đốc.

Người được nguyên đơn ủy quyền: Ông Lê Văn D, sinh năm 1982 (theo văn bản ủy quyền ngày 02/3/2017).

Địa chỉ: Khu phố P T, phường T P, thị xã Đ X, tỉnh B P.

Bị đơn: Hộ kinh doanh Nguyễn Thị T.

Đại diện theo pháp luật: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn: Anh Nguyễn Hồng L, sinh năm 1980 (chồng chị T); Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đối với nguyên đơn:**

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2017 nguyên đơn Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp T P H và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Ngày 12/01/2016 hộ kinh doanh Nguyễn Thị T ký hợp đồng nguyên tắc số 56/2016/TPH-NTT với Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H. Theo đó ngày 18/01/2016 hộ kinh doanh Nguyễn Thị T mua của công ty T P H một lô hàng phân bón số lượng 20 tấn phân NPK mùa khô với số tiền là 135.900.000 đồng (*một trăm ba mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng*).

Theo điều khoản thanh toán đã ký kết trong hợp đồng nguyên tắc số 56/2016/TPH-NTT với Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H thì hộ kinh doanh Nguyễn Thị T có trách nhiệm phải thanh toán số tiền 135.900.000 đồng trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận hàng.

Kể từ ngày 18/01/2016 cho đến 30/12/2016 hộ kinh doanh Nguyễn Thị T mới trả được cho Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H số tiền 5.000.000 đồng, số tiền còn lại hộ kinh doanh Nguyễn Thị T cố tình không trả như đã ký kết trong hợp đồng mặc dù Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H đã nhiều lần liên hệ yêu cầu hộ kinh doanh Nguyễn Thị T thanh toán số tiền còn nợ.

Nay Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H yêu cầu Tòa án buộc hộ kinh doanh Nguyễn Thị T trả số tiền là 174.583.531 đồng (*Một trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm tám mươi ba nghìn năm trăm ba mươi một đồng*).

Trong đó nợ gốc là 130.900.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu chín trăm nghìn đồng*). Tiền lãi là: 43.683.531 đồng (*Bốn mươi ba triệu, sáu trăm tám ba nghìn, năm trăm ba mươi một đồng*) Cụ thể tiền lãi:

Tiền lãi suất tính từ ngày 18/2/2016 đến ngày 30/12/2016 đối với số tiền gốc 135.900.000 đồng là 25.929.720 đồng ($135.900.000 \text{ đ} \times 0,06\%/\text{ngày} \times 318 \text{ ngày} = 25.929.720 \text{ đồng}$).

Tiền lãi suất tính từ ngày 30/12/2016 đến ngày 28/2/2017 đối với số tiền gốc 130.900.000 đồng là 5.551.771 đồng ($130.900.000 \text{ đ} \times 0,06\%/\text{ngày} \times 59 \text{ ngày} = 5.551.771 \text{ đồng}$).

Tiền lãi suất tính từ ngày 01/3/2017 đến ngày 7/7/2017 đối với số tiền gốc 130.900.000 đồng là 9.846.040 đồng ($130.900.000 \text{ đ} \times 0,06\%/\text{ngày} \times 126 \text{ ngày} = 9.846.040 \text{ đồng}$).

Tiền lãi suất tính từ ngày 7/7/2017 đến 07/8/2017 là 2.356.000 đồng ($130.900.000 \text{ đ} \times 0,06\%/\text{ngày} \times 30 \text{ ngày} = 2.356.000 \text{ đồng}$).

*** Đối với bị đơn:**

Tại văn bản ngày 03/4/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, hộ kinh doanh Nguyễn Thị T trình bày:

Vào cuối năm 2015 có hai nhân viên của Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H đến chào hàng là phân bón, nhưng vì phân lạ nên Nguyễn Thị T không mua mặt

hàng phân nói trên. Đầu năm 2016 nhân viên của Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H có gửi nhờ tại hộ kinh doanh Nguyễn Thị T 20 tấn phân NPK mùa khô và có thỏa thuận miệng với Nguyễn Thị T về việc hộ kinh doanh Nguyễn Thị T sẽ bán phân cho Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H và sẽ trả dần tiền thành nhiều đợt và không tính lãi suất, tổng cộng số tiền là 135.900.000 đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng*). Đến tháng 7 năm 2016 vì phân lạ nên không bán được cho người dân nên hộ kinh doanh Nguyễn Thị T có yêu cầu nhân viên của Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H chở phân về nhưng Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H vẫn không chở phân về (bằng miệng). Cuối năm 2016 nhân viên của Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H có mang hợp đồng đến và yêu cầu hộ kinh doanh Nguyễn Thị T ký vào hợp đồng, do lúc đó tôi vừa đi bệnh viện về nên không đọc rõ nội dung trong hợp đồng nên đã ký vào biên bản đối chiếu công nợ với Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H.

Cuối tháng 12 năm 2016 hộ kinh doanh Nguyễn Thị T có trả cho nhân viên Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Vì vậy hiện nay hộ kinh doanh Nguyễn Thị T chỉ còn nợ Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H số tiền 130.900.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu chín trăm nghìn đồng*).

Nguyện vọng của hộ kinh doanh Nguyễn Thị T sẽ trả số nợ nói trên cho Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H thành 04 đợt. Cụ thể như sau:

Đợt một: Vào ngày 30/6/2017 trả số tiền 25.000.000 đồng;

Đợt hai: Vào ngày 30/9/2017 trả số tiền 30.000.000 đồng;

Đợt ba: Vào ngày 30/12/2017 trả số tiền 30.000.000 đồng;

Đợt bốn: Vào ngày 30/3/2018 trả số tiền còn lại 45.900.000 đồng.

Đối với số tiền lãi mà Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H yêu cầu hộ kinh doanh Nguyễn Thị T phải trả. Tôi không đồng ý. Tại vì khi Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H gửi phân nhờ tại hộ kinh doanh Nguyễn Thị T hai bên không có thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán (thỏa thuận bằng miệng). Nhưng khi Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H đến ký hợp đồng với hộ kinh doanh Nguyễn Thị T thì tự ý ghi thêm phần lãi suất chậm trả. Vì vậy hộ kinh doanh Nguyễn Thị T không đồng ý trả phần lãi suất mà chỉ đồng ý trả số nợ 130.900.000 đồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại các văn bản làm việc và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Hồng L đồng ý với những lời trình bày của vợ là chị Nguyễn Thị T (hộ kinh doanh Nguyễn Thị T) và không trình bày gì thêm.

* Trong phần tranh luận tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không bổ sung gì thêm.

* Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L có lên Tòa án làm việc, đã biết rõ nội dung vụ án nhưng sau đó chị T, anh L vắng mặt tại phiên tòa ngày 7/7/2016. Tòa án đã quyết định hoãn phiên; Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn có mặt

còn bị đơn hộ kinh doanh Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hồng L vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn hộ kinh doanh Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hồng L.

* Trong phần tranh luận tại phiên toà vị đại diện VKS trình bày lời phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội Dng vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp T P H.

Buộc Đại lý L T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H số tiền 155.661.814 đồng (*Một trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm mười bốn đồng*), bao gồm:

Nợ gốc là 130.900.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu chín trăm nghìn đồng*).

Lãi suất chậm thanh toán số tiền tổng cộng là: 24.761.814 đồng (*Hai mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm mười bốn đồng*).

Hộ kinh doanh Nguyễn Thị T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.783.000 đồng (*Bảy triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng*).

Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận là 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp về hợp mua bán hàng hóa được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về nội Dng vụ án: Ngày 12/01/2016 Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H và hộ kinh doanh Nguyễn Thị T ký kết hợp đồng nguyên tắc kinh tế số: 56/2016/TPH-NTT, hàng hóa mua bán là phân bón NPK, sau khi ký hợp đồng nêu trên đến ngày 18/1/2016 Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H đã giao đủ số lượng 20 tấn phân NPK mùa khô và chất lượng hàng hóa theo hợp đồng đã ký kết cho hộ kinh doanh Nguyễn Thị T. Theo thỏa thuận trong hợp đồng ký kết giữa hai bên thì “trong thời hạn một tháng” kể từ ngày nhận hàng hộ kinh doanh Nguyễn Thị

T có nghĩa vụ thanh toán tiền mua phân, nếu quá thời hạn nêu trên thì hộ kinh doanh Nguyễn Thị T phải chịu lãi suất 0,06%/ngày (tương đương 1,8%/tháng). Đến ngày 18/8/2016 hộ kinh doanh Nguyễn Thị T đã ký kết biên bản đối chiếu công nợ. Kể từ khi mua phân đến nay hộ kinh doanh Nguyễn Thị T chỉ mới trả được 5.000.000 đồng, số tiền còn lại 130.900.000 đồng hộ kinh doanh Nguyễn Thị T vẫn chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H.

Tại phiên tòa hôm nay Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H yêu cầu Tòa án buộc hộ kinh doanh Nguyễn Thị T trả số tiền nợ là 174.583.531 đồng (*Một trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm tám mươi ba nghìn năm trăm ba mươi một đồng*). Trong đó nợ gốc là 130.900.000 đồng.

[1]Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/8/2016 Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp T P H và hộ kinh doanh Nguyễn Thị T đã thừa nhận việc hộ kinh doanh Nguyễn Thị T đã thanh toán số tiền 5.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H, vì vậy số tiền nợ gốc còn lại là 130.900.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu chín trăm nghìn*)

Phía Công ty vật tư nông nghiệp T P H yêu cầu hộ kinh doanh Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền là 174.583.531 đồng (*Một trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm tám mươi ba nghìn năm trăm ba mươi một đồng*). Trong đó nợ gốc là 130.900.000 đồng, đối với tiền lãi suất tính từ ngày 18/2/2016 đến ngày 07/8/2017 là 43.683.531 đồng.

Căn cứ vào Điều 4 của hợp đồng nguyên tắc số: 56/2016/TPH-NTT ngày 12/01/2016 thì hộ kinh doanh Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi suất chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H là có cơ sở. Tuy nhiên Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H yêu cầu hộ kinh doanh Nguyễn Thị T trả lãi suất 0,06%/ngày (tương đương 1,8%/tháng) là không phù hợp.

Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005. Quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán

“ Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. ”

Ngày 02 tháng 8 năm 2017 Tòa án đã tiến hành xác minh mức lãi suất trung bình, lãi suất quá hạn của ba ngân hàng trên địa bàn tỉnh Đ N đối với đối tượng vay là doanh nghiệp.

Kết quả xác minh: Tại Phòng giao dịch ViệtTin Bank, huyện Đắk R'Lấp đối với món vay cho Doanh nghiệp, vay thời gian ngắn hạn thì mức lãi suất bình quân là 9%/năm, quá hạn là 13,5%/năm; Tại Phòng giao dịch VIDV, huyện Đắk R'Lấp đối với món vay cho Doanh nghiệp, vay thời gian ngắn hạn thì mức lãi suất bình quân là 9%/năm, quá hạn là 13,5%/năm; Tại Phòng giao dịch Ngân hàng

NN&PTNT huyện T Đ đối với món vay cho Doanh nghiệp, vay thời gian ngắn hạn thì mức lãi suất bình quân là 7%/năm, quá hạn là 10,5%/năm.

Như vậy mức lãi suất quá hạn được áp dụng dựa trên cơ sở lấy trung bình cộng lãi suất quá hạn của ba ngân hàng là 12,5%/năm (tương đương 1,042 %/tháng và 0,0347%/ngày).

Từ những chứng cứ và phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy: Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H yêu cầu Tòa án buộc hộ kinh doanh Nguyễn Thị T trả số tiền lãi suất tính từ ngày 18/2/2016 đến ngày 07/8/2017 là 43.683.531 đồng là không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mà chỉ chấp nhận một phần tiền lãi theo quy định là 0,0347%/ngày là có căn cứ. Cụ thể như sau:

Tiền lãi suất tính từ ngày 18/2/2016 đến ngày 30/12/2016 đối với số tiền gốc 135.900.000 đồng là: $(135.900.000 \text{ đ} * 0,0347\%/ngày * 318 \text{ ngày} = 14.996.021 \text{ đồng})$.

Tiền lãi suất tính từ ngày 30/12/2016 đến ngày 28/2/2017 đối với số tiền gốc 130.900.000 đồng là: $(130.900.000 \text{ đ} * 0,0347\%/ngày * 59 \text{ ngày} = 2.679.915 \text{ đồng})$.

Tiền lãi suất tính từ ngày 01/3/2017 đến ngày 7/7/2017 đối với số tiền gốc 130.900.000 đồng là: $(130.900.000 \text{ đ} * 0,0347\%/ngày * 126 \text{ ngày} = 5.723.209 \text{ đồng})$.

Tiền lãi suất tính từ ngày 7/7/2017 đến 07/8/2017 là: $(130.900.000 \text{ đ} * 0,0347\%/ngày * 30 \text{ ngày} = 1.362.669 \text{ đồng})$.

Tổng cộng là: 24.761.814 đồng.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Hộ kinh doanh Nguyễn Thị T; Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp T P H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều; Điều 92, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 50; Điều 55; Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp T P H đối với bị đơn hộ kinh doanh Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

2/ Buộc hộ kinh doanh Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H số tiền 155.661.814 đồng (*Một trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm mười bốn đồng*), trong đó:

Nợ gốc là 130.900.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu, chín trăm nghìn đồng*).

Lãi suất chậm thanh toán số tiền là: 24.761.814 đồng (*Hai mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm mười bốn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/8/2017) nếu hộ kinh doanh Nguyễn Thị T chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Hộ kinh doanh Nguyễn Thị T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.783.000 đồng (*Bảy triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng*).

Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), khấu trừ vào số tiền 4.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002989 ngày 14 tháng 3 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T Đ, tỉnh Đ N. Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp T P H còn được nhận lại số tiền 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA ND tỉnh Đ N;
- VKSND huyện T Đ;
- Chi cục THA DS huyện T Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Chương